TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN L H** **TỈNH V L**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 97/2023/HS-ST
Ngày 11/10/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L H- TỈNH V L

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông **Phạm Trí Trường**
Các Hội thẩm nhân dân:- Bà Trần Thị Tuyết Nga
- Ông Nguyễn Văn Nghĩa

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Mỹ Huyền – Thư ký Tòa án nhân dân huyện L H - tỉnh V L.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L H tham gia phiên tòa: ông Dương Vũ Trường Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 10 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện L H xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 90/2023/TLST-HS ngày 07 tháng 9 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 100/2023/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 9 năm 2023 đối với bị cáo:

Bị cáo: **Nguyễn Văn N**, sinh năm 1975. Tại tỉnh B.

Nơi cư trú: ấp L Huê, xã L Thới, huyện C, tỉnh B.

Nghề nghiệp: Làm vườn; trình độ học vấn: 3/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Giới tính: Nam; Cha: Nguyễn Văn N, sinh năm 1935 (chết); Mẹ: Tăng Thị Q, sinh năm 1952; Vợ: Phạm Thị Kim H, sinh năm 1980; Con: 02 người (lớn nhất sinh năm 1999, nhỏ nhất sinh năm 2000); Tiền sự: Không; Tiền án: Không.

Nhân thân:

Ngày 05/02/1996 bị Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh B xử phạt 12 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 155 Bộ luật hình sự.

Ngày 17/02/1998 bị Tòa án nhân dân huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An xử phạt 24 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 155 Bộ luật hình sự. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 21/5/1999.

Ngày 30/6/2000 bị Tòa án nhân dân tỉnh B xử phạt 03 năm tù về tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 155 Bộ luật hình sự.

Ngày 09/01/2006 bị Tòa án nhân dân tỉnh B xử phạt 09 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 14/3/2006.

Năm 2012 bị can có thành tích xuất sắc trong phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc được Giám đốc Công an tỉnh B tặng giấy khen.

Ngày 30/11/2022 bị tạm giữ đến ngày 06/12/2022 bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện L H khởi tố chuyển tạm giam. Ngày 13/01/2023 bị Viện kiểm sát nhân dân huyện L H áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh đến ngày 10/7/2023 đình chỉ thi hành biện pháp bắt buộc chữa bệnh và tiếp tục tạm giam cho đến nay có mặt tại toà.

Người đại diện hợp pháp của bị cáo: Bà Phạm Thị Kim H, sinh năm 1980 (là Vợ của bị cáo). Nơi cư trú: ấp L Huệ, xã L Quới, huyện C, tỉnh B (có mặt)

Người bào chữa cho bị cáo là luật sư Lê Anh Chiến văn phòng luật sư Lê Anh Chiến thuộc đoàn luật sư tỉnh V L

Người bị hại: Võ Thị Mỹ T, sinh năm 1997(vắng mặt)
Địa chỉ: ấp Bình Hòa 2, xã Bình Hòa Phước, huyện L H, tỉnh V L

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Nguyễn Thị Kim N, sinh năm 2008 (có mặt)

Nơi cư trú: ấp L, xã L Quới, huyện C, tỉnh B

Người làm chứng: Nguyễn Nhật Q, sinh năm 1993 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Bình Hòa 2, xã Bình Hòa Phước, huyện L H, tỉnh V L

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong h sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do không có tiền tiêu xài cá nhân nên Nguyễn Văn N nảy sinh ý định trộm cắp tài sản của người khác bán lấy tiền tiêu xài. Sáng ngày 30/11/2022, Nguyễn Văn N điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 71B3-738.98 của gia đình đi từ nhà thuộc ấp L Huê, xã L Thới, huyện C, tỉnh B đến khu vực huyện L H tìm tài sản trộm cắp.

Khoảng 07 giờ 00 phút cùng ngày, N điều khiển xe đến khu vực thuộc ấp B, xã Bình Hòa P, huyện L H, tỉnh V L phát hiện nhà chị Võ Thị Mỹ T, sinh năm 1997 cửa đang mở. N dừng xe lại quan sát không có người xung quanh, N dựng xe cặp lề đường, đi bộ vào bên trong nhà chị T. N phát hiện trên nền gạch trong phòng ngủ của chị T có 01 điện thoại di động hiệu Iphone Promax 11 màu vàng (trên điện thoại có kèm ốp lưng). N quan sát nhà không có người nên lén lút đi

đến lấy trộm điện thoại của chị T bỏ vào túi quần bên phải đang mặc, rồi nhanh chóng đi bộ lên xe mô tô điều khiển xe trở về nhà.

Khoảng 08 giờ 40 phút cùng ngày, chị T phát hiện bị mất trộm tài sản nên điện thoại nói cho cho người chị là anh Nguyễn Nhật Q biết sự việc. Lúc này, anh Q đang ở khu vực xã Phú Phụng, huyện C, tỉnh B T, anh Q dùng điện thoại cá nhân trích xuất camera và nhận dạng được đối tượng vào nhà lấy trộm. Anh Q điều khiển xe truy tìm xung quanh và phát hiện N đang dựng xe tại khu vực ấp Cống, xã Phú Phú, huyện C nên truy hô cùng người dân khống chế N và thu giữ điện thoại mà N vừa lấy trộm được giao cho Công an xử lý theo quy định.

Căn cứ kết luận định giá tài sản số 63 ngày 01/12/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện L H kết luận: 01 điện thoại di động hiệu Iphone 11 Promax 64GB màu vàng trị giá 8.500.000đồng; 01 ốp lưng điện thoại di động bằng nhựa có hoa văn trị giá 50.000đồng.

Kết luận giám định pháp y tâm thần theo trưng cầu giám định số 06/2023/KLGĐ ngày 10/01/2023 của Trung tâm pháp y tâm thần khu vực Tây Nam Bộ kết luận:

+ Tại thời điểm phạm tội: Nguyễn Văn N hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi.

+ Hiện tại: Đương sự hạn chế khả năng nhận thức, mất khả năng điều khiển hành vi.

Kết luận giám định pháp y tâm thần sau thời gian điều trị bắt buộc số 469/KLBB-VPYTW ngày 05/7/2023 của Viện pháp y tâm thần Trung ương Biên Hòa kết luận:

+ Bị bệnh biến đổi nhân cách kéo dài sau bệnh tâm thần (F6.1-ICD.10)

+ Hiện tại bệnh đã ổn định, không cần thiết điều trị bắt buộc nữa. Đương sự có đủ khả năng nhận thức và điều khiển hành vi để làm việc với cơ quan pháp luật.

Tại bản Cáo trạng số: 94/CT-VKS.LH ngày 06 tháng 9 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện L H truy tố bị cáo Nguyễn Văn N về tội "Trộm cắp tài sản" quy định tại khoản 1 Điều 173 bộ Luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Ý kiến kiểm sát viên tại tòa: Bảo lưu quan điểm bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện L H và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn N phạm tội "Trộm cắp tài sản"; Đề nghị: Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều38; điểm q, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Văn N từ 01 (một) năm đến 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù.

Về xử lý vật chứng: Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện L H đã trả

lại cho chị Võ Thị Mỹ T 01 điện thoại Iphone 11 Promax và 01 ốp lưng điện thoại. Bị hại không có yêu cầu khác nên đề nghị không xem xét. Đề nghị Hội đồng xét xử giao trả cho bị cáo 01 nón bảo hiểm.

Về trách nhiệm hình sự: Bị hại Võ Thị Mỹ T yêu cầu xử lý bị cáo theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Đề nghị án dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 buộc bị cáo nộp 200.000đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Ý kiến bị cáo tại tòa: Bị cáo chỉ nhớ là vào nhà người khác lấy 01 cái điện thoại, sau đó bị cáo đi lòng vòng rồi bị bắt. Bị cáo biết mình đã sai trái xin toà xem xét cho bị cáo.

Lời trình bày sau cùng của bị cáo: Bị cáo có bệnh lúc tỉnh lúc không. Bị cáo xin toà xem xét cho hoàn cảnh của bị cáo.

Ý kiến người bào chữa: Bị cáo là người có hạn chế nhận thức, bị cáo phạm tội ít nghiêm trọng. Tại phiên toà bị cáo thật thà khai nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Ý kiến bà Phạm Thị Kim H: Tôi là vợ của bị cáo, tôi xin toà xem xét cho hoàn cảnh của bị cáo. Tôi cố gắng cùng các con sẽ chăm sóc cho bị cáo tốt hơn vì bị cáo là người có bệnh hạn chế nhận thức.

Ý kiến chị Nguyễn Thị Kim Ng tại toà: Tôi là con của bị cáo, xe mô tô của tôi bị cáo có nói cho ba mượn đi uống cà phê. Tôi không biết bị cáo đi lấy trộm tài sản của người khác. Tôi đã nhận lại xe, tôi không có yêu cầu gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong h sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Tất cả các quyết định, hành vi tố tụng, thủ tục từ giai đoạn phát hiện tội phạm đến điều tra, truy tố bị cáo. Các Cơ quan tiến hành tố tụng, những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng và đầy đủ theo qui định của pháp luật tố tụng hình sự không có khiếu nại từ phía người tham gia tố tụng.

[2] Về nội dung:

[2.1] Lời trình bày của bị cáo tại phiên toà đã phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác được thu thập trong quá trình điều tra như: lời khai của bị hại, lời khai người làm chứng, tài sản của bị hại bị chiếm đoạt đã được thu hi, hình ảnh của bị cáo được camera của gia đình bị hại ghi lại hình ảnh bị cáo đã xuất hiện trong nhà của bị hại; lời trình bày và nhận dạng bị cáo từ camera của vợ, con bị cáo. Đủ căn cứ để kết luận Nguyễn Văn N đã phạm tội trộm cắp tài sản. Cáo trạng số 94/CT.VKS ngày 06/9/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện L H đã truy tố bị

cáo Nguyễn Văn N theo khoản 1 điều 173 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội không bị oan sai.

Hành vi vủa bị cáo là nguy hiểm; do cần tiền tiêu xài bị cáo đã lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác. Việc làm của bị cáo đã gây mất trật tự tại nơi gây án, gây hoang mang cho cuộc sống bình thường của mọi người. Do đó, việc xử lý bị cáo là cần thiết để lập lại trật tự chung.

[2.2] Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

[2.3] Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra bị cáo có lúc nhận tội, có lúc không nhận tội nhưng tại phiên toà bị cáo đã thật thà khai nhận thể hiện được sự ăn năn hối cải. Bị cáo là người có nhược điểm về tâm thần. Bản thân bị cáo là người được tặng thưởng giấy khen có thành tích xuất sắc trong phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc. Đây là những tình tiết giảm nhẹ pháp luật qui định và Hội đồng xét xử có xem xét khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

[2.4] Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.5] Về xử lý vật chứng: Chiếc xe biển số 71B3-738.98 của chị Nguyễn Thị Kim Ngân (con ruột của bị cáo) chị Ngân không có lỗi. Cơ quan điều tra đã giao trả lại cho chị Ngân là đúng pháp luật. Chiếc nón bảo hiểm của bị cáo không liên quan đến việc phạm tội nên giao trả lại cho bị cáo.

[2.6] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

[2.7] Về quan điểm của kiểm sát viên tại tòa chỉ được Hội đồng xét xử chấp nhận một phần.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn N phạm tội "Trộm cắp tài sản" .

Áp dụng khoản 1 điều 173 các điểm q, s, v khoản 1 điều 51, điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn N 10 (mười) tháng 12 (mười hai) ngày tù. Thời hạn tù tính từ ngày 30/11/2022. Thời gian tạm giam và bắt buộc chữa bệnh đối với bị cáo đã bằng thời hạn phạt tù.

Căn cứ điều 299; điều 328 của Bộ luật tố tụng hình sự. Trả tự do cho bị cáo Nguyễn Văn N tại phiên toà nếu bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam về một tội phạm khác.

2. Về trách nhiệm dân sự: Không xem xét.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. Giao trả cho bị cáo Nguyễn Văn N 01 nón bảo hiểm; theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 06/9/2023 giữa cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện L H và chi cục thi hành án dân sự huyện L H.

4. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo Nguyễn Văn N nộp 200.000đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm công khai, bị cáo, đại diện bị cáo, người bào chữa cho bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt tại toà được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai nơi cư trú./.

Nơi nhận:
- TAT;
- VKS. H,T
- CC. THA H;
-Sở Tư pháp;
-CQCSĐT L H;
-Phòng h sơ CAVL;
- Bị cáo; Bị hại;
-UBND xã L Quới, huyện Chợ Lách, BT;
-Nhà tạm giữ L H;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Trí Trường